

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư là: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA các công trình điện miền Nam – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Đại diện: Chức vụ: Giám Đốc Địa chỉ: 610 Võ Văn Kiệt - Phường Cầu Kho - Quận 1 - TP.Hồ Chí Minh. ĐT: (84-028) 2210 0719. Fax: (84-028) 3836 1096. Tài khoản:
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Dự án: Mạch 2 Đường dây 220 kV Bảo Lộc - Sông Mây, TBA 220 kV Bảo Lộc, TBA 500 kV Sông Mây, TBA 500kV Di Linh và các địa điểm liên quan.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: ___ [liệt kê tài liệu]. 1. Các tài liệu kỹ thuật liên quan 2. Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng: - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 61/QĐ- EVN ngày 27/01/2023 v/v ban hành Quy trình và bộ tiêu chí đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc Gia Việt Nam (quyết định 61). - Quyết định 61 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN

	<p>tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/</p> <p>Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.</p> <p><i>(Trường hợp có quy định thay thế thì cập nhật theo quy định thay thế)</i></p>
<p>E-ĐKC 4.1</p>	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. - Địa chỉ: Số 610 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh. - Điện thoại: (84) 02822103770 - Fax: (84) 02838361096 <p>Địa chỉ email: ___ <i>[ghi địa chỉ email (nếu có)]</i>.</p>
<p>E-ĐKC 5.2</p>	<p>Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là **10 phần trăm (%)** giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

- Trường hợp Dự án được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, tuy nhiên Nhà cung cấp vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng thì Nhà cung cấp phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.

- Khi Bên B vi phạm hợp đồng và Bên A khấu trừ một phần bảo lãnh do nhà thầu vi phạm thì Bên B phải có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo đảm bị khấu trừ để Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là 10% giá hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Thư

	chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành các nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ bảo đảm được nêu trong hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15</p>
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: __ 30% __ giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 6.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)]:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu phụ có tất cả các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu theo quy định của Nghị định 37/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật khác có liên quan. + Nhà thầu phụ phải đảm bảo tính pháp lý, rõ ràng, phải chứng minh được năng lực đối với phần việc được giao và phải được chủ đầu tư chấp nhận. + Việc thanh toán cho nhà thầu phụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết hợp đồng xây dựng và Thông tư; Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 V/v sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 và Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 v/v hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i>
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: “Cố định”

<p>E-ĐKC 11</p>	<p>Điều chỉnh thuế: “Được phép” . "Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng"/.</p>
<p>E-ĐKC 12.1</p>	<p>Tạm ứng:</p> <p>theo hình thức chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>Bên A tạm ứng cho Bên B 10% giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được các chứng từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 01 bản gốc và 04 bản sao văn bản yêu cầu thanh toán; ▪ 01 bản gốc và 04 bản sao bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII Biểu mẫu hợp đồng HSMT hoặc mẫu khác được Bên A chấp thuận, có giá trị 10% giá trị hợp đồng không bao gồm thuế GTGT. ▪ 01 bản gốc và 04 bản sao bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị 10% giá trị hợp đồng. <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, theo Mẫu số 18 Chương VIII. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.</p> <p><i>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</i> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p><i>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</i> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm</p>

ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Công tác tạm ứng phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT tại QĐ số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

Khuyến khích nhà thầu mở tài khoản thanh toán và các loại Bảo lãnh tại các Ngân hàng cho Chủ đầu tư vay vốn Tín dụng thương mại để nhận tiền thanh toán theo hợp đồng ký kết để đầu tư xây dựng Dự án.

Trường hợp nhà thầu có quan hệ tín dụng tại ngân hàng có tài khoản nhận tiền thanh toán dự án của Chủ đầu tư, các bên gồm Nhà thầu (nhà thầu phụ nếu có), Ngân hàng nhận tiền thanh toán và Chủ đầu tư sẽ cùng ký một thỏa thuận cam kết cùng nhau tuân thủ sử dụng tiền đúng mục đích phục vụ đầu tư dự án. Cam kết sẽ quy định: Toàn bộ số tiền do Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu sẽ được ngân hàng kiểm soát, quản lý. Số tiền này chỉ được phép chuyển cho bên thứ ba nhằm mục đích chi trả các chi phí hợp lý, hợp pháp phục vụ cho việc thực hiện Dự án theo hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư, hoặc để hoàn trả cho Nhà thầu để bù đắp lại số tiền Nhà thầu đã ứng trước tiền của mình để chi trả cho việc mua hàng hóa, vật liệu, nhân công, dịch vụ phục vụ cho việc thực hiện theo hợp đồng được ký giữa Nhà thầu với Chủ đầu tư. Trong trường hợp nhà thầu chính chậm triển khai dự án, chậm chuyển tiền cho nhà thầu phụ hoặc có vướng

	<p>mắc về dòng tiền, pháp lý,... Chủ đầu tư có thể chuyển tiền trực tiếp tới nhà thầu phụ để thực hiện hợp đồng/dự án. Sau khi dự án hoàn thành, Nhà thầu đã ký thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư thì số tiền còn lại được sử dụng cho hoạt động của nhà thầu.</p> <p><i>(Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới)</i></p>
<p>E-ĐKC 13.1</p>	<p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, phí chuyển khoản do nhà thầu thanh toán.</p> <p>- Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán 95% giá trị của hợp đồng (bao gồm 100% VAT) cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ sau (01 bản gốc và 06 bản sao):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu và xác nhận khối lượng công việc thực hiện. + Bảng kê thanh toán + Hóa đơn thuế VAT hợp lệ + Phiếu giá thanh toán theo quy định + Bảo lãnh bảo hành do ngân hàng phát hành, có giá trị tương ứng 05% giá trị hợp đồng (trước thuế) và có hiệu lực trong vòng 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng (nếu có).
<p>E-ĐKC 13.2</p>	<p>Giảm trừ thanh toán: “không áp dụng”.</p>
<p>E-ĐKC 15</p>	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng “Áp dụng”.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung</p>

công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 0,5% giá trị công việc chậm thực hiện/ ngày [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị công việc chậm thực hiện] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12% [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.

Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% [ghi cụ thể tỷ lệ %] chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”.

Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Bên B còn phải bồi thường các thiệt hại cho Bên A và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp vật tư thiết bị, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Bên B dẫn đến thiệt hại cho Bên A và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành vật tư thiết bị. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

- Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Bên A cảnh cáo Bên B bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của Bên B thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng Bên B để làm cơ sở đánh giá uy tín Bên B. Bên B truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ <http://dauthau.evn.com.vn> để nắm bắt được các thông tin:

	<p>+ Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.</p> <p>+ Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá.</p>
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: _____ <i>[nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)].</i>
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% <i>[nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%]</i> giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật]</i>
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: _____ <i>[nêu cụ thể nguyên tắc và cách thức]</i></p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: _____ <i>[nêu cụ thể thời gian]</i>.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: _____ 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p>